

## NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CÂU ĐỐ TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Ngô Thị Khai Nguyễn

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

\*Email: [khainguyenvnh@gmail.com](mailto:khainguyenvnh@gmail.com)

Ngày nhận bài 19/04/2024 ; Ngày nhận đăng 03/06/2024

### Tóm tắt

Bài nghiên cứu đối chiếu câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt được tiến hành nhằm để tìm hiểu sâu hơn về những đặc điểm, tính chất đặc trưng cũng như những nét tương đồng và khác biệt trong câu đố của hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Đối tượng nghiên cứu chính là các câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt, ngữ liệu nghiên cứu bao gồm từ câu đố dân gian đến hiện đại, từ câu đố mẹo đến câu đố khoa học. Bằng các phương pháp thu thập dữ liệu và thông tin, thống kê và quy nạp, phân tích kết hợp với tổng hợp, bài nghiên cứu đã tìm ra được những đặc điểm giống nhau và khác nhau trong câu đố của hai ngôn ngữ Anh-Việt. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho sinh viên sử dụng trong học phần Ngôn ngữ học đối chiếu, giúp cho người học hiểu hơn về câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt.

**Từ khóa:** câu đố, đối chiếu, tiếng Anh, tiếng Việt

### A contrastive research on riddles in English and Vietnamese languages

Ngo Thi Khai Nguyen

University of Foreign Languages and International Studies, Hue University

Received: April 19, 2024; Accepted: June 03, 2024

### Abstract

This study comparing riddles in English and Vietnamese was conducted to learn more deeply about the characteristics as well as similarities and differences in the riddles of the two languages: English and Vietnamese. The main research object is riddles in English and Vietnamese language. The research corpus ranges from folk to modern riddles, from trick riddles to scientific riddles. Using methods of collecting data and information, statistics and induction, analysis combined with synthesis, the research has found similar and different characteristics in the riddles of the two mentioned languages. The research results can be used as a reference for students to use in the Comparative Linguistics module, helping learners better understand the riddles in English and Vietnamese.

**Keywords:** riddles, comparative, English, Vietnamese

### 1. Mở đầu

Từ xa xưa câu đố đã trở thành một phân giải trí không thể thiếu trong cuộc sống con người. Hầu hết, mỗi quốc gia nói chung đều hình thành nên những câu đố theo cách riêng của họ. Tùy mỗi vùng miền, quốc gia, thời đại mà có những câu đố và lời giải đố khác nhau. Hơn nữa, một số câu đố không thể giải được bởi người nước ngoài chỉ biết hoặc

học ngôn ngữ của nước khác. Trong tiếng Việt và tiếng Anh nói riêng, câu đố mang những nét đặc sắc riêng biệt.

Ví dụ 1: Một đám học sinh đến nhà thầy đồ học chữ. Trên đường chúng gặp một con cò mù, rồi đám học sinh đi về. Hỏi vì sao?

Đáp án: Cò mù là cò không thấy, cò không thấy là thầy không có.

Ví dụ 2: What clothing is always sad?

Đáp án: Blue jeans (Trong tiếng Anh, “Blue” còn là từ thể hiện tâm trạng buồn.)

Qua hai ví dụ trên, có thể thấy rằng nếu chúng ta là những người không am hiểu sâu về ngôn ngữ nước khác thì sẽ không giải được các câu đố này. Ở ví dụ 1, người Việt sử dụng phép nói lái để giải câu đố này, tuy nhiên phép nói lái là đặc trưng của tiếng Việt bởi nó bị ảnh hưởng bởi hệ thống dấu câu, thanh điệu, mà hầu như ngôn ngữ các nước khác đều không tồn tại đặc trưng này. Vì vậy, nếu đem câu đố này để đố một người nói tiếng Anh chỉ mới học sơ qua tiếng Việt, thậm chí người đã học tiếng Việt lâu năm thì họ cũng không thể giải được nếu như họ không hiểu được về phép nói lái của tiếng Việt. Ở ví dụ 2, từ “blue” trong tiếng Anh còn dùng để thể hiện tâm trạng buồn bã nhưng người Việt chỉ hiểu đơn giản đó là từ chỉ màu sắc. Vậy phải chăng sự khác biệt trong những đặc trưng về ngôn ngữ đã tạo nên nét đặc sắc này, hay là nó còn chịu tác động bởi những yếu tố khác? Do đó, mục đích của bài báo này nhằm đối chiếu những đặc điểm trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt, tìm ra sự độc đáo và đặc sắc của ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh được thể hiện trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt. Đây là chính là điểm mới của bài nghiên cứu này mà hầu như chưa từng có nhà nghiên cứu nào thực hiện.

## 2. Nội dung

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Khái quát về câu đố

Từ xưa đến nay, câu đố (riddle) đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Bởi nó mang tính giải trí rất cao, phục vụ cho nhu cầu thư giãn lành mạnh của rất nhiều người, và câu đố cũng được xem như thước đo về sự nhạy bén trong tư duy logic và tư duy trừu tượng của con người. Xuất phát từ sự quan sát của con người về những nét giống nhau thường thấy giữa các sự vật và hiện tượng khác nhau của thế giới khách quan. Các câu đố thường được truyền miệng từ đời này sang đời khác, từ nơi này sang nơi khác, từ lúc nông nhàn tới lúc vất vả lao động. Từ những câu đố cho ta thấy sự quan sát tinh tế, cách vận dụng nhiều yếu tố, thủ thuật để tạo nên những câu đố hay. Hầu như những gì hằng ngày người ta thấy, tiếp xúc, sử dụng đều có thể thành câu đố như gia cụ, nhà cửa, công cụ và các hình thức lao động sản xuất, nếp sinh hoạt thường ngày, cây cỏ, động vật... Câu đố có đặc tính và đối tượng là những sự vật, sinh vật cụ thể, tồn tại khách quan, “mắt thấy, tai nghe”, do đó hầu như không thấy khái niệm triết lý, luân lý, tôn giáo và những khái niệm trừu tượng phi vật chất. Nói chung, câu đố vừa là nghệ thuật vừa là khoa học (khoa học thường thức dân gian), câu đố đem lại cho người ta một loại thức ăn tinh thần đặc biệt, vừa bổ ích vừa rất thú vị hấp dẫn.

#### 2.1.2. Bản chất và thể loại của câu đố

Câu đố có nguồn gốc từ lâu đời. Theo một số nhà nghiên cứu cho rằng sự ra đời của câu đố có liên quan tới tục kiêng kỵ trong lời nói và lời miêu tả sự vật không tên (hoặc thiếu tên) của con người thời cổ đại, dần dần việc sáng tác câu đố trở thành hình thức vui chơi,

giải trí và rèn luyện trí lực của con người.

Để sáng tạo ra một câu đố, người ta tìm ra đặc trưng, chức năng của từng sự vật, từng hiện tượng cá biệt, sau đó phản ánh bằng cách so sánh, hình tượng hóa. Hoạt động đố và giải đố là một quá trình chuyển hóa giữa tư duy logic và tư duy hình tượng.

Có những câu đố nói lên chức năng của sự vật, hiện tượng và cũng có những câu đố nói lên nguồn gốc của sự vật, hiện tượng. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều câu đố nói lên đặc điểm của sự vật, hiện tượng (hình dáng, kích thước, màu sắc, mùi vị, hoạt động...)

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu và tổng hợp thông tin:** Chúng tôi thu thập các nguồn tài liệu, thông tin để trình bày tổng quan về câu đố như khái niệm, nguồn gốc, phân loại... của câu đố và tìm ra một số đặc điểm trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tham khảo qua các tạp chí khoa học với các đề tài liên quan về câu đố để tìm ra một số đặc trưng phổ biến trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, những trải nghiệm, hiểu biết của bản thân về câu đố, qua lời đố của ông bà, bố mẹ, các thế hệ đi trước cũng đã phần nào giúp chúng tôi đúc kết nên những đặc điểm giống và khác trong câu đố giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

**2.2.2. Phương pháp thống kê và quy nạp:** Chúng tôi thống kê tần số xuất hiện của các yếu tố tạo nên các đặc điểm trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt. Kết quả thống kê sẽ được sử dụng để rút ra các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (thống kê định lượng để rút ra và quy nạp các kết luận định tính) là những căn cứ thực tiễn giúp cho các cứ liệu khoa học có tính xác thực, tính chứng minh và thuyết phục.

**2.2.3. Phương pháp phân tích kết hợp với phương pháp tổng hợp:** Các phương pháp này giúp ích cho việc phân tích những đặc điểm tạo nên sự giống nhau và khác nhau về câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt. Căn cứ vào các bảng số liệu đã khảo sát, chúng tôi làm rõ các số liệu này bằng việc phân tích cụ thể và đưa ra các ví dụ, dẫn chứng rõ ràng để làm sáng tỏ nét tương đồng và khác biệt trong từng yếu tố tạo nên đặc điểm của câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt. Bên cạnh phương pháp phân tích, chúng tôi còn sử dụng phương pháp tổng hợp, khái quát vấn đề một cách có cơ sở, nghĩa là phân tích tổng hợp vừa diễn dịch vừa quy nạp để xử lý tốt các vấn đề cần làm sáng tỏ.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

### 2.3.1. Khảo sát về các đặc điểm của câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt

#### 2.3.1.1. Khảo sát về đề tài được sử dụng trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

*Bảng 1. Các đề tài được sử dụng trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt*

Đề tài	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Động/Thực vật	48	48%	50	50%
Đồ vật	22	22%	34	34%
Khoa học tự nhiên (sinh học, vật lý, lịch sử, địa lý...)	7	7%	6	6%

Các chủ đề khác	23	23%	10	10%
-----------------	----	-----	----	-----

Dựa vào bảng số liệu được phân tích từ 100 mẫu câu đố tiếng Anh và 100 mẫu câu đố tiếng Việt, chúng ta có thể thấy đề tài được sử dụng trong câu đố chủ yếu là về động vật và thực vật trong tiếng Anh và tiếng Việt (lần lượt chiếm 48% và 50%). Ví dụ: *If I sit down, I am high; if I stand up, I am low (Dog)/ I can swim. I have two legs. I have wings. I quack (Duck)/ Cây gì thẳng tắp trước nhà. Trái ngon dành tặng riêng bà, bà ơi? (Cây cau)*. Chiếm 22% và 34% là những câu đố về đồ vật như *I have one head, one foot and four legs? What am I? (Bed)/ Trong nhà có một bà hay la liếm (cây chổi)*. Những câu đố khoa học tự nhiên đòi hỏi trí tuệ và sự khôn khéo chiếm tỷ lệ thấp (7% và 6%) vì tính hóc búa của chúng sẽ làm cho người chơi không còn hứng thú với trò chơi đố vui nữa. Bên cạnh đó, ta còn gặp nhiều câu đố với các chủ đề khác như hoạt động trong cuộc sống, gia đình, nghề nghiệp... Ví dụ: *Cứ như cá mập cá kình. Trồi lên ngụp xuống băng mình vượt nhau. Anh lộn cổ chị đâm đầu. Trai thanh gái lịch năm châu đua tài - Đố làm nghề gì? (Vận động viên bơi lội)/ A truck driver is going down a one-way street the wrong way and passes at least ten cops. Why is he not caught? (He is walking on the sidewalk)*. Qua đây chúng ta có thể thấy sự đa dạng các đề tài trong câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt, dường như với bất kỳ chủ đề nào xuất hiện trong cuộc sống đều có thể trở thành một nguồn cảm hứng để các câu đố ra đời.

### 2.3.1.2. Khảo sát về cấu trúc của câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

**Bảng 2.** Các cấu trúc được sử dụng trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Cấu trúc	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Dạng một bài thơ ngắn	2	2%	14	14%
Dạng câu hỏi ngắn	88	88%	73	73%
Dạng một câu chuyện ngắn	2	2%	2	2%
Các dạng khác	8	8%	11	11%

Dựa vào bảng số liệu được phân tích từ 100 mẫu câu đố tiếng Anh và 100 mẫu câu đố tiếng Việt, chúng ta có thể thấy cấu trúc được sử dụng trong câu đố rất đa dạng với tần suất khác nhau. Trong đó, cấu trúc dạng câu hỏi ngắn trong câu đố tiếng Anh và trong tiếng Việt chiếm tỉ lệ cao nhất (lần lượt là 88% và 73%). Ví dụ: *What is it that was the past of tomorrow and the future of yesterday? (Today)/ Which months have the 28th day? (All months)/ What has to be broken before you can use it? (An egg)/ Con gì không gáy ò ó o mà người ta vẫn gọi là gà? (Gà con và gà mái)/ Núi nào mà bị chặt ra từng khúc? (Thái Sơn)*. Cấu trúc dạng một câu chuyện ngắn chiếm tỉ lệ thấp nhất (2%) trong cả câu đố tiếng Anh và tiếng Việt. Trong khi đó, cấu trúc dạng một bài thơ ngắn trong câu đố tiếng Anh chiếm tỉ lệ

thấp (2%), còn trong câu đố tiếng Việt chiếm tỉ lệ cao hơn (14%). Cùng nhiều dạng cấu trúc khác như ca dao, tục ngữ, thơ lục bát, thơ bốn chữ, thơ Đường luật... chiếm tỉ lệ lần lượt là 8% và 11%. Từ đó, tạo ra sự đa dạng về hình thức của những câu đố.

### 2.3.1.3. Khảo sát về nghệ thuật miêu tả trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

**Bảng 3.** Nghệ thuật miêu tả được sử dụng trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Miêu tả	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Trực tiếp	27	27%	31	31%
Gián tiếp	73	73%	69	69%

Câu đố được thiết kế nghệ thuật miêu tả chủ yếu là gián tiếp. Câu đố tiếng Anh hay tiếng Việt thì đều chiếm trên 50%, cụ thể là 73% trong tiếng Anh và 69% trong tiếng Việt. Ví dụ như: *What can you catch, but not throw? (Cold because catch a cold)/ Con ai hai đũa hai nơi. Gặp nhau một chỗ cùng chơi một phòng. Không may nhà sập đá chông. Tan xương nát thịt máu hồng chứa chan (Ấn trâu)*. Nếu câu đố được diễn đạt theo cách trực tiếp thì mức độ khó của câu đố sẽ giảm xuống và không còn gây hứng thú đối với người chơi. Ví dụ: *Chân đen mình trắng, đứng nắng giữa đồng (con cò), Which word contains 26 letters but only syllables? (Alphabet)*. Ngay trong thông tin của câu đố người chơi đã có thể dễ dàng đưa ra chính xác đáp án. Chính vì vậy mà hầu hết các câu hỏi sẽ được hỏi một cách gián tiếp dựa trên những sự tương đồng với đáp án của câu đố. Điều này đòi hỏi người chơi phải nhanh trí, nắm bắt được sự đánh lừa trong câu đố để đưa ra được đáp án.

### 3.1.4. Khảo sát về nghệ thuật sử dụng từ trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

**Bảng 4.** Nghệ thuật dùng từ trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Nghệ thuật dùng từ	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Từ đồng âm, từ đồng nghĩa	48	48%	55	55%
Nói lái	0	0%	20	20%
Thêm hậu tố, rút gọn, kết hợp	22	22%	0	0%
Các biện pháp khác	30	30%	25	25%

Dựa vào bảng số liệu được phân tích từ 100 mẫu câu đố tiếng Anh và 100 mẫu câu đố tiếng Việt, chúng ta có thể thấy nghệ thuật sử dụng từ để tạo nên những câu đố tiếng Anh và tiếng Việt cũng rất đa dạng và phong phú. Cả trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt đều sử dụng từ đồng âm, từ đồng nghĩa với tỉ lệ cao nhất (lần lượt là 48% và 55%). Ví dụ:

*What has ears but can not hear? (Corn)/ Nhớ em lệ chảy bùì ngùi. Khăn lau không ráo, áo chùi không khô (Bánh ướt).* Qua bảng số liệu ta cũng có thể thấy có một số biện pháp nghệ thuật mà trong câu đố tiếng Anh có sử dụng nhưng trong câu đố tiếng Việt thì không và ngược lại, chẳng hạn như, thêm hậu tố, rút gọn, kết hợp chỉ có câu đố tiếng Anh mà không có trong câu đố tiếng Việt. Ví dụ về sự kết hợp từ trong tiếng Anh thể hiện qua câu đố *If everyone decided to purchase only pink cars, what would we have? (A pink carnation).* Ngược lại, trong câu đố tiếng Anh không dùng biện pháp nói lái, nhưng trong câu đố tiếng Việt lại chiếm 20%. Ví dụ: *Khi đi cua ngon, khi về cũng cua ngon. Là con gì? (Con ngựa).* *Hít vào, hít ra, hít một. Thèm thèm ta đem lùi tro. Là gì? (Hột mít).* Ngoài ra, các biện pháp sử dụng từ khác cũng được sử dụng để tạo nên những câu đố thú vị, hấp dẫn trong tiếng Anh và tiếng Việt chiếm tỉ lệ 30% và 25%. Qua đó, cho thấy sự khác biệt của hệ thống ngôn ngữ của hai bên.

### 2.3.2. So sánh đối chiếu các đặc điểm của câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

#### 2.3.2.1. Đề tài của câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Quan sát *Bảng 1*, ta nhận thấy đề tài trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt đều vô cùng phong phú, bao gồm tất cả các lĩnh vực về thế giới tự nhiên và xã hội. Những câu đố xoay quanh các chủ đề quen thuộc khác nhau như con vật, đồ vật, cộng đồng, gia đình, trường học, hiện tượng... Điều này thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh mình.

Từ thời xa xưa, đúc kết từ sự quan sát và khám phá không ngừng, con người đã biết đưa những sự vật và sự việc xảy ra quanh mình vào những câu đố nhằm mục đích giải trí, rèn luyện trí thông minh nhanh nhạy. Xét về đề tài động vật, những con vật quen thuộc có tần suất xuất hiện cao trong các câu đố. Trong câu đố tiếng Việt, những con vật như *chó, mèo, heo, bò, trâu, ngựa, hổ, sói, gà, vịt, chim, cá, tôm, cua, ốc, nhện, ruồi, muỗi, ong, ếch...* là những con vật rất quen thuộc với người dân Việt Nam và thường hay xuất hiện trong những câu đố. Tương tự như vậy, trong câu đố tiếng Anh sẽ thường có những con vật như *dog, cat, fox, kangaroo, bear, snake, elephant, rabbit, frog, fly, bee, duck, bird, fish...* Xét về đề tài thực vật, vì sự khác biệt giữa hai môi trường sống, nên những loài cây, quả và hoa được đưa vào trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt cũng có sự khác nhau, tuy nhiên chúng đều là những loài cực kỳ quen thuộc đối với người dân ở địa phương đó. Những loài thực vật có trong câu đố tiếng Việt bao gồm *lúa, ngô, khoai, sắn, chuối, mít, cau, dừa, tre, ổi, ớt, bưởi, cam, cà, mai, đào, dâm bụt, vú sữa...* Những loài thực vật có trong câu đố tiếng Anh gồm *oak, pine, maple, potato, corn, carrot, strawberry, blueberry, mango, orange, rose, sunflower, dandelion...*

Ngoài những đề tài thường xuất hiện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, câu đố tiếng Anh và tiếng Việt cũng có những đề tài về những vấn đề khoa học tự nhiên, hàm chứa lượng tri thức khổng lồ của nhân loại, như sinh học, vật lý, lịch sử, địa lý, văn học... Ví dụ như trong câu đố tiếng Việt có: *Cây cao nghìn trượng, lá rụng tứ tung. Nấu thì được, nướng thì không. Đó là gì? (Nước mưa)/ Nơi nào thành quách dọc ngang. Xa gần mức tiếng kinh thành để đó? (Thừa Thiên Huế)/ Vua nào chính trực anh hào. Đứng ra lãnh đạo phong trào Cần Vương? (Hàm Nghi).* Và trong câu đố tiếng Anh như: *I am a rock bigger than Venus but smaller than Uranus. What am I? (Earth)/ What two periodic elements when combined heal? (Helium and aluminum (HE + AL)).* Những câu đố này yêu cầu chúng ta cần phải có

nền tảng kiến thức cũng như sự nhanh nhạy mới có thể nhanh chóng tìm ra được đáp án.

### 2.3.2.2. Miêu tả trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Nghệ thuật miêu tả trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt gần như tương đồng. Người ta dùng biện pháp mô tả theo cách đặc biệt của câu đố với mục đích để quá trình đồ diễn ra một cách thú vị và hiệu quả, có thể xếp các biện pháp miêu tả trong tiếng Anh và tiếng Việt thành hai loại đó là miêu tả trực tiếp và miêu tả gián tiếp.

Đối với biện pháp miêu tả trực tiếp, người ta thường miêu tả những đặc điểm vốn có của sự vật, sự việc, hiện tượng giúp cho người nghe dễ dàng hình dung về thứ đang được đố. Ví dụ như trong những câu đố tiếng Anh sau: *I have four legs. You can ride me. I've tusks. I have a long nose. (I'm an elephant)/ What has to be broken before you can use it? (An egg)/ What invention lets you look right through a wall? (A window)*. Hay trong những câu đố tiếng Việt như: *Cái gì có kích thước bằng con voi nhưng chẳng nặng gram nào cả? (Cái bóng con voi)/ Cái gì đen khi bạn mua nó, đỏ khi dùng nó và xám xịt khi vứt nó đi? (Than)/ 2 con vịt đi trước 2 con vịt, 2 con vịt đi sau 2 con vịt, 2 con vịt đi giữa 2 con vịt. Hỏi có mấy con vịt? (4 con vịt)*. Miêu tả trực tiếp là một cách đơn giản và nhanh chóng để sáng tạo ra một câu đố nhưng vẫn khiến người đố và người được đố cảm thấy thích thú, vui vẻ.

Biện pháp miêu tả gián tiếp là biện pháp liên tưởng sự vật, sự việc, hiện tượng được đố đến một đối tượng khác đôi khi chẳng ăn nhập nhưng thực tế vẫn có một mối liên quan ít ai ngờ tới. Theo Bảng 3, biện pháp miêu tả gián tiếp chiếm số lượng nhiều hơn so với biện pháp miêu tả trực tiếp, bởi lẽ cách miêu tả này tạo ra sự mất phương hướng nhằm gây khó khăn, thách thức trí thông minh, trí tưởng tượng của người giải câu đố. Trong dạng câu đố này, nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ được áp dụng và phát huy một cách tối đa và hiệu quả. Một số ví dụ trong câu đố tiếng Anh: *Walk on the living, they don't even mumble. Walk on the dead and they mutter and grumble. What are they? (Leaves)/ You have a few and so does a comb. (Teeth)/ They travel all over the world but end up in one corner. What are they? (Stamps)*. Và một số ví dụ trong câu đố tiếng Việt: *Thân em xưa ở bụi tre, mùa đông xếp lại mùa hè mở ra. (Quạt giấy)/ Đố anh chi sắc hơn dao (Mắt), chi sâu hơn bẻ (Lòng người), chi cao hơn trời (Trán)/ Một thửa đất vuông, bốn phía xây thành, xung quanh trồng chuối, giữa tía đậu trồng hành, ngoài thành trồng giang. (Bánh chưng)*. Thông qua những ví dụ này, ta có thể nhận thấy rằng những sự vật hiện tượng thường được nhân hóa, miêu tả bằng những từ ngữ tả hình dáng, hành động thường dùng cho con người như “mumble”, “mutter”, “grumble”, “travel” hay “thân em” hoặc được ví von “Một thửa đất vuông, bốn phía xây thành: bánh chưng được gói bằng cách để trong một chiếc khung hình vuông”, “xung quanh trồng chuối, giữa tía đậu trồng hành: bánh chưng thường được gói bằng lá chuối, nhân bánh chưng có đậu và hành”, “ngoài thành trồng giang: giang là loại cây cùng loại với tre, nứa... dùng chẻ lát gói bánh.” Ngược lại những bộ phận hoặc hoạt động của con người lại cố tình so sánh hoặc chuyển thành đồ vật, con vật như “comb” hay “dao”, “bẻ”, “trời”.

Dù là miêu tả trực tiếp hay gián tiếp thì hoạt động đố vẫn rất thú vị, tạo cho người tham gia cảm giác vui vẻ và phấn khích, mối giao cảm giữa mọi người cũng trở nên gần gũi, thân thiết hơn.

### 2.3.2.3. Cấu trúc của câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Câu đố trong tiếng Anh được phát triển theo nhiều định dạng và bố cục khác nhau,

tuy nhiên theo *Bảng 2*, phần lớn câu đố tiếng Anh được sáng tác dưới dạng một bài thơ ngắn hoặc một câu hỏi ngắn, đôi khi câu đố cũng có thể là một câu truyện ngắn. Ví dụ: câu đố là một bài thơ ngắn: “*A hoard of rings am I, but no fit gift for a bride; I await a sword's kiss. (A suit of chain-mail)*”. Câu đố dưới dạng câu hỏi ngắn: “*What comes down but never goes up? (Rain)*”. Câu đố dưới dạng câu truyện ngắn: “*Simon Simpleton was born in London, England. His mother was Welsh and his father Scottish. When Simon was eight his mother died. When Simon was ten his father married an Irish woman and suddenly Simon had an Irish sister. When Simon was twenty-four, he graduated as a lawyer and took a job in Edinburgh, Scotland. He is now sixty-six. Why can he not be buried on the banks of Loch Lomond in his favorite village of Luss, in Bonnie Scotland? (Because he is still alive!)*”.

Câu đố tiếng Anh đôi khi xuất hiện cùng các yếu tố khác như phần giới thiệu: “*Guess guesser!*”, “*Guess, if you're a good guesser!*”; phần kết luận: “*Who I am?*”, “*What are they?*”; các yếu tố để hướng dẫn “*In heaven I am...*”, “*I was born in the water...*”; các yếu tố gây nhiễu: cách diễn đạt gây khó hiểu, nhân hóa, so sánh, ẩn dụ... như “*I run and I do not have legs...(Time)*”, “*I am long and stubborn...(The tree)*”.

Khác với câu đố tiếng Anh, câu đố tiếng Việt thường có cấu trúc như một câu hỏi ngắn, câu truyện ngắn, ca dao, tục ngữ, thơ lục bát, thơ bốn chữ, thơ Đường luật... Ví dụ:

- Câu đố dưới dạng câu hỏi ngắn: *Lịch nào dài nhất? (Lịch sử)*
- Câu đố dưới dạng ca dao: *Năm ông cầm hai cái sào*  
*Đuổi đàn cò trắng bay vào trong hang (Ăn cơm)*
- Câu đố dưới dạng tục ngữ: *Anh lớn mặc áo đỏ, em nhỏ mặc áo xanh (Quả ớt)*
- Câu đố dưới dạng thơ lục bát: *Thân thì liền với hai chân*  
*Khi làm chân nghỉ, chân quay mới kỳ (Cái compa)*
- Câu đố dưới dạng thơ bốn chữ: *Mình tròn đầu nhọn*  
*Không phải bò trâu*  
*Uống nước ao sâu*  
*Lên cày ruộng cạn (Cái bút mực)*
- Câu đố dưới dạng thơ Đường luật: *Cái dạng quan anh xấu lạ lùng*  
*Khom lưng uốn gối cả đời cong*  
*Lưỡi to ra sức mà ăn khoét*  
*Đành phải theo đuôi có thẹn không (Cái cày)*

Sự khác biệt trong văn hóa góp phần tạo nên sự khác biệt trong việc hình thành các dạng câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt. Câu đố trong tiếng Anh thường có bố cục đơn giản, loại câu đố phức tạp nhất là dạng thơ bốn chữ, nó có thể có vần và nhịp hoặc là không, tùy thuộc vào người sáng tác. Ngược lại, câu đố trong tiếng Việt rất phong phú và đa dạng về thể loại, nhờ vào sự giàu có của tiếng Việt cũng như sự phát triển phong phú của nền văn học Việt Nam mà câu đố đọc lên rất thuận tai và dễ nhớ, mang đậm nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Sự đa dạng về cấu trúc của câu đố góp phần tạo tăng thêm giá trị nghệ thuật cho hoạt động đố. Những câu đố dưới hình thức thơ với sự kết hợp giữa vần, điệu và nhịp thơ khiến cho chúng ta khi đọc lên có cảm giác bắt tai hơn, dễ nhớ hơn, từ đó những câu đố thú vị càng dễ dàng lưu truyền hơn. Đặc biệt là với trẻ nhỏ, những câu đố dạng ca dao, tục ngữ và thơ dễ dàng đi sâu vào tâm trí trẻ em, trở thành một loại trò chơi vui vẻ và bổ ích, vừa thú vị vừa chứa đựng một lượng kiến thức lớn chỉ trong những câu đố ngắn gọn.



### 2.3.2.4. Nghệ thuật dùng từ trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt

Nhờ vào những biện pháp nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói ngược, nhân hóa, dùng từ tượng hình, từ tượng thanh, điệp âm... mà những câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt có đặc điểm nổi bật. Câu đố ngắn gọn, tất cả thông tin cô đọng lại chỉ trong vài con chữ, nhưng vẫn có thể miêu tả bao quát sự vật, sự việc được nhắc tới, hay gọi cho người nghe liên tưởng đến nó. Tính chính xác của ngôn ngữ kết hợp với không gian ngôn ngữ tiết kiệm tới mức tối đa, không thừa cũng không thiếu, tạo cảm giác ‘nửa kín, nửa hở’, ‘như gần, như xa’, đạt hiệu quả trong việc khơi gợi sự tò mò, sự hiếu thắng, quyết tâm phải tìm ra được đáp án của người đố. Cả trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt đều áp dụng tốt những biện pháp này.

Câu đố tiếng Anh và tiếng Việt cũng lợi dụng triệt để những từ đồng âm, từ đồng nghĩa để chơi chữ, tạo yếu tố đánh lạc hướng người nghe, như: *What has ears but can not hear? (Corn) – Từ "ear" ở đây có gốc tiếng Anh cổ, chỉ phần ra bông kết hạt của các cây ngũ cốc và cũng có nghĩa là "cái tai". / What clothing is always sad? (Blue jeans) - Blue vừa là màu xanh dương vừa là từ thể hiện tâm trạng buồn/ What color can you eat? (Orange) - Orange vừa là trái cam vừa là màu cam. / Mồm bò mà không phải mồm bò. (Ốc sên) - Ốc 'mồm bò thứ nhất', 'bò' là động từ (chỉ sự di chuyển thân thể của động vật trên bề mặt), còn ở cụm từ 'mồm bò thứ hai', 'bò' là danh từ (chỉ loài động vật nhai lại, chân có hai móng, sừng rỗng và ngắn, nuôi để lấy sức kéo, thịt hoặc sữa)/ Đêm nằm luống những ngấn ngơ Chiêm bao thấy bậu, dậy rờ thì không. (Cây lá mơ) – 'chiêm bao' và 'mơ' là hai từ đồng nghĩa. Theo Bảng 4 những phương pháp này chiếm phần lớn, cách sử dụng từ đồng âm và từ đồng nghĩa trong những câu đố tiếng Anh và tiếng Việt góp phần khẳng định sự giàu đẹp của tiếng Anh và tiếng Việt.*

Tuy vậy, từ Bảng 4 ta có thể thấy rằng vẫn có một vài cách sử dụng từ khác nhau trong câu đố tiếng Anh và tiếng Việt do sự khác biệt của hệ thống ngôn ngữ của hai bên.

Ví dụ như trong tiếng Anh, có một số phương thức hình thành từ mới mà tiếng Việt không hề có, do đó tạo ra sự khác biệt về nghệ thuật dùng từ trong câu đố của tiếng Anh và tiếng Việt. Rất nhiều từ vựng trong tiếng Anh được hình thành bằng cách thêm hậu tố [*use (sử dụng) - misuse (dùng sai mục đích) - disuse (danh từ: sự không còn dùng đến) - unused (tính từ: không được sử dụng hoặc chưa được sử dụng) - unusable (tính từ: không dùng được) - useless (tính từ: vô dụng), useful (tính từ: hữu ích) - abuse (động từ: lạm dụng, ngược đãi)*], rút gọn [*examination = exam, laboratory = lab, brother = bro (tiếng lóng), maximising = maxing (tiếng lóng)*], kết hợp [*smog = smoke + fog, transistor = transfer + resistor, brunch = breakfast + lunch, rockumentary = rock + documentary*]. Do đó, khi đưa những từ này vào trong câu đố sẽ tạo nên điểm đặc trưng mà chỉ xuất hiện trong câu đố tiếng Anh chứ không hề có trong câu đố tiếng Việt. Cũng vì điểm khác biệt này mà một người Việt đang học ngôn ngữ Anh đôi khi cũng gặp khó khăn lúc giải câu đố có chứa những từ này.

Trong câu đố tiếng Việt cũng có một vài nghệ thuật dùng từ riêng biệt mà tiếng Anh không hề có, nổi bật trong đó là nghệ thuật nói lái. Nói lái là sản phẩm trí tuệ đặc sắc của người Việt, sử dụng những từ có sẵn trong kho từ vựng dân tộc nhưng được biến tấu theo nhiều phương thức như đảo vần giữa phụ âm đầu, phần vần và thanh sắc của từ ngữ đó. Những câu đố có xuất hiện yếu tố nói lái dễ dàng gây mất phương hướng cho người nghe,

khiến họ hoang mang không biết phải giải câu đố theo hướng nào. Ý tưởng mang nghệ thuật chơi chữ nói lái và trong câu đố đã có từ xa xưa, ông bà ta dùng những câu đố này để giải trí, nhưng đôi khi cũng có tác dụng châm biếm, chỉ ra những nỗi bất lực trong cuộc sống. “*Khoan mũi, khoan lái, khoan khứ, khoan lai, bò la, bò liệt đố ai biết gì? (Khoai lang)/ Con gì ở cạnh bờ sông. Cái mũi thì nát cái cong thì còn (Con còng – “cong còn” nói lái thành “con còng”)/ Ông cố ngoài Huế ông cố ai. (Cái ô – nói lái từ “Cố ai”)*”. Đây là những câu đố dân gian sử dụng chất liệu nói lái tạo ra sự ngộ nghĩnh, mới lạ, thể hiện rõ sự đa dạng, đặc sắc, biến hóa khôn lường của ngôn ngữ Việt, góp phần làm phong phú thêm kho tàng từ vựng của Việt Nam. Vì vậy mà không ít người nước ngoài khi học tiếng Việt dễ dàng bị đánh bại khi gặp phải những câu đố về nói lái học búa, và cũng có không ít người Việt phải bó tay với những cách nói lái độc đáo này.

### 3. Kết luận

Bài nghiên cứu này đã hoàn thành được mục tiêu ban đầu, đó là phân tích, đối chiếu câu đố tiếng Anh và tiếng Việt, giải thích sự tương đồng và khác biệt của câu đố giữa hai ngôn ngữ này, qua đó giúp chúng ta hiểu hơn về đặc điểm, tính chất, chức năng, yếu tố nghệ thuật và văn hóa trong ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Có thể rút ra kết luận là: Câu đố trong tiếng Anh và tiếng Việt tuy có nhiều điểm tương đồng, nhưng vẫn có những nét đặc trưng, độc đáo riêng của mỗi ngôn ngữ. Qua bài nghiên cứu này, mong rằng có thể mang lại một cái nhìn tổng quan về câu đố, nét độc đáo và đặc sắc của câu đố tiếng Anh và tiếng Việt và tầm quan trọng của chúng, từ đó phát huy giá trị cũng như làm giàu làm đẹp thêm nghệ thuật đố trong tiếng Anh và tiếng Việt □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cù Đình Tú. (2001). *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục.
- Đình Gia Khánh (chủ biên). (2006). *Văn học dân gian Việt Nam*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- Ninh Viết Giao. (1997). *Câu đố Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Trung. (1999). *Câu đố Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- Trần Đức Ngôn. (2005). *Tổng tập văn học dân gian người Việt (tập 3 – Câu đố)*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- <https://bacsiielts.vn/cau-do-vui-tieng-anh-don-gian-co-dap-an/> (Truy cập ngày 12/05/2023)
- <https://parade.com/947956/parade/riddles/> (Truy cập ngày 12/05/2023)